

TP, Hồ Chí Minh, ngày tháng 3 năm 2021

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

(Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020)

Kính gửi: **Hội đồng quản trị Công ty CP Công trình Cầu Phà TP.HCM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban kiểm soát;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCs).

Ban Kiểm soát xin báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2020, như sau:

I. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Đặc điểm tình hình của Công ty

- Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh công ty cổ phần số 0901986393 đăng ký lần đầu ngày 16/9/2010, thay đổi lần thứ 6 ngày 04/5/2016 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp;
- Trụ sở chính của công ty tại: 451/10 Tô Hiến Thành- Phường 14 - Quận 10- TP.HCM;
- Vốn điều lệ của Công ty là: 91.000.000.000 đồng và được chia thành 9.100.000 cổ phần. Trong đó cơ cấu vốn cổ đông:

Stt	Cổ đông	Tỷ lệ/ vốn góp	Số cổ phần	Số vốn góp
1	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước	40.00%	3.640.000	36.400.000.000
2	Lê Hữu Châu	5.21%	474.000	4.740.000.000
3	Tạ Thị Hồng Tâm	7.69%	700.000	7.000.000.000
4	Huỳnh Bá Lân	10.59%	963.900	9.639.000.000
4	Cổ đông khác	36.51%	3.322.100	33.221.000.000
	Cộng	100%	9.100.000	91.000.000.000

- Công ty có 09 xí nghiệp công trình trực thuộc (từ XN CT 1 đến XN CT 9)
- Công ty có 05 phòng nghiệp vụ tham mưu giúp việc (Phòng Hành Chính- Nhân Sự; Phòng Chất lượng-Thiết bị; Phòng Kinh Doanh; Phòng Kế toán Tài chính);

- Ngành nghề chủ yếu: Duy tu, sửa chữa thường xuyên cầu, đường, cây xanh, thoát nước; duy tu sửa chữa công trình đường sông; Tư vấn kiểm định cầu, tư vấn khảo sát thiết kế công trình xây dựng; xây dựng cầu, đường; Sản xuất, lắp đặt biển báo giao thông đường thủy và đường bộ; sơn đường, thả phao tiêu báo hiệu...;

- Hội đồng quản trị:

- | | |
|-----------------------------|---------------|
| 1- Ông: Trần Minh Trung | Chủ tịch; |
| 2- Ông: Lê Hữu Châu | Phó chủ tịch; |
| 3- Bà: Nguyễn Thị Quỳnh Anh | Ủy viên; |
| 4- Ông: Trịnh Văn Khâm | Ủy viên; |
| 5- Bà: Tạ Thị Hồng Tâm | Ủy viên; |

- Ban Kiểm soát:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| 1- Ông: Lê Mạnh Thu | Trưởng Ban; |
| 2- Ông: Nguyễn Quang Huy | Thành viên; |
| 3- Ông: Trần Thái Phương | Thành viên; |

- Ban Điều hành:

- | | |
|-------------------------|--------------------|
| 1- Ông: Lê Hữu Châu | Tổng Giám đốc; |
| 2- Ông: Vũ Tiến Đạt | Phó Tổng giám đốc; |
| 3- Ông: Phạm Ngọc Thành | Phó Tổng giám đốc; |
| 4- Bà: Lê Nga Phương | Kế toán trưởng; |

2- Thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông năm 2020:

DVT : 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2020	Thực hiện cả năm 2020	TH/ KH
1-Tổng Doanh thu	410.000.000	448.650.000	109,4%
2-Lợi nhuận trước thuế	14.000.000	14.869.000.	106,2%
3-Tỷ lệ cổ tức/ vốn điều lệ	9%	9%	100%
4-Lợi nhuận chia cổ tức	8.190.000	8.190.000	100%

(*) Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua, kết quả cụ thể là:

- Chỉ tiêu Doanh thu so với kế hoạch đạt 109,4%;
- Chỉ tiêu Lợi nhuận so với kế hoạch đạt 106,2%;
- Chỉ tiêu cổ tức cho cổ đông so với kế hoạch đạt 100%;

- Đã chọn Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCs) là một đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính công nhận và thực hiện công tác kiểm toán tại Công ty một cách khách quan, chặt chẽ, khoa học và hiệu quả;

II- Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020.

1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính được lập ngày 10/3/2021 cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà TP và Công ty con bao gồm: Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Công ty đã lập và trình bày báo cáo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

- Các báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCs) là đơn vị được phép kiểm toán Công ty đại chúng;

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng quy định;

- Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tình hình tài chính: (đính kèm phụ lục)

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

Trong năm 2020 xảy ra dịch bệnh Covid 19 kéo dài và nhiều khó khăn khác, nhưng với sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị và sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc trong quá trình điều hành công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020. Năm 2020, sản phẩm dịch vụ công ích vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Việc giữ vững thị trường bằng chất lượng, tiến độ và sự thỏa mãn của khách hàng trong giai đoạn hiện nay mà nhà nước đang chuẩn bị thực hiện xã hội hóa sản phẩm dịch vụ công ích.

Công ty đã bảo đảm tài chính, nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các hợp đồng tín dụng với các ngân hàng BIDV- MB.

Công ty đã đầu tư máy móc thiết bị theo phương án đầu tư do Hội đồng quản trị duyệt đảm bảo chất lượng, tiến độ...;

Công ty thực hiện các thủ tục đầu tư, thanh lý tài sản theo quy định công ty;

Công ty đã tuân thủ và chấp hành các quy định, quy chế về quản lý tài chính được Hội đồng quản trị phê duyệt;

2. Kiến nghị:

Ban kiểm soát kiến nghị Công ty cũng cần quan tâm trong năm 2021:

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2021 phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ theo yêu cầu của chủ đầu tư, tạo uy tín, đảm bảo chất lượng tiến độ làm cơ sở cho công tác đấu thầu cho các năm tiếp theo;

- Quản lý tốt giá thành và tiết kiệm chi phí quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh;

- Hoàn chỉnh bổ sung quy chế quản trị nội bộ, trong đó nêu rõ trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của đối tượng được ủy quyền về tài chính, lao động... để nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu nhằm tăng cường công tác quản lý, quản trị nội bộ công ty đảm bảo hoạt động hiệu quả và tuân thủ các quy định, giảm thiểu sai sót, rủi ro tiềm ẩn trong sản xuất kinh doanh;

- Xây dựng kế hoạch tài chính trung và dài hạn để đầu tư thiết bị, đổi mới, cải tiến công nghệ nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty;

- Đối với khoản dự phòng phải thu khó đòi công ty đã trích lập, tiếp tục đôn đốc các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm liên hệ với chủ đầu tư để thực hiện thu hồi công nợ.

- Đối với công ty góp vốn, công ty tăng cường giám sát về tài chính, năng lực kỹ thuật ... để hỗ trợ công ty góp vốn ổn định sản xuất, đảm bảo hoạt động có hiệu quả và bảo toàn vốn của công ty.

Trên đây là báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần công trình Cầu Phà TP Hồ Chí Minh.

Kính báo cáo.

T/M BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Lê Mạnh Thư

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Văn phòng Công ty

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		309.953.868.701	311.673.583.287
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37.886.945.190	53.800.992.154
Tiền	111		37.886.945.190	53.800.992.154
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		269.086.993.453	254.473.901.641
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	164.914.819.338	183.822.588.779
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	939.391.500	330.149.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		100.871.147.010	68.481.945.412
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	10.213.960.477	9.347.484.980
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(7.852.324.872)	(7.508.266.530)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	2.246.952.517	1.974.537.663
Hàng tồn kho	141		2.246.952.517	1.974.537.663
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		732.977.541	1.424.151.829
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	732.977.541	1.424.151.829
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.212.517.266	44.995.885.748
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.589.722.551	20.450.057.927
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	26.589.722.551	20.450.057.927
- Nguyên giá	222		71.959.646.263	64.271.022.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.369.923.712)	(43.820.965.050)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		173.100.000	213.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(173.100.000)	(213.100.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	4.586.954.545	9.882.662.638
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.586.954.545	9.882.662.638
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	3.900.000.000	3.900.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		3.900.000.000	3.900.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.135.840.170	10.763.165.183
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	8.135.840.170	10.763.165.183
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		353.166.385.967	356.669.469.035



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Văn phòng Công ty

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		251.973.882.506	256.435.331.139
I. Nợ ngắn hạn	310		251.973.882.506	256.435.331.139
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	17.268.543.598	20.045.922.822
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		56.451.348.387	77.477.982.304
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.388.268.089	3.027.025.119
Phải trả người lao động	314		10.365.004.931	5.413.325.091
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		125.923.210.366	104.052.330.163
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	6.757.483.019	9.558.896.915
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	35.005.288.756	38.096.326.082
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.185.264.640)	(1.236.477.357)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		101.192.503.461	100.234.137.896
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	101.192.503.461	100.234.137.896
Vốn góp của chủ sở hữu	411		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	59.467.052
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.028.139.464	1.577.505.223
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.164.363.997	7.597.165.621
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		428.927.202	891.372.820
+ LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.735.436.795	6.705.792.801
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		353.166.385.967	356.669.469.035

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng

Lê Nga Phương

TP. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Trưởng Giám đốc



Lê Hữu Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2020
Văn phòng Công ty

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	446.607.102.671	381.349.712.079
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		446.607.102.671	381.349.712.079
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	409.893.553.666	340.256.532.298
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.713.549.005	41.093.179.781
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.835.671.276	1.602.273.374
Chi phí tài chính	22	VI.4	144.814.275	482.145.122
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		144.814.275	432.145.122
Chi phí bán hàng	25	VI.7	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	22.792.135.627	28.035.109.663
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.612.270.379	14.178.198.370
Thu nhập khác	31	VI.5	207.772.728	152.702.912
Chi phí khác	32	VI.6	950.885.369	906.379.880
Lợi nhuận khác	40		(743.112.641)	(753.676.968)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.869.157.738	13.424.521.402
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	3.038.720.943	2.623.728.601
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	60		11.830.436.795	10.800.792.801
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng

Lê Nga Phương

TP. HCM, ngày 10 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

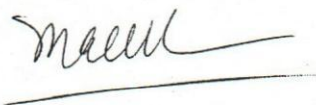
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		374.493.509.627	340.033.132.163
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.944.136.090	56.937.656.564
Tiền	111		45.944.136.090	56.937.656.564
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		210.614.493.083	214.119.057.652
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	179.101.563.448	191.510.627.647
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	18.569.045.716	11.792.899.555
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	20.796.208.791	18.323.796.980
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(7.852.324.872)	(7.508.266.530)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	96.896.032.345	59.250.773.701
Hàng tồn kho	141		96.896.032.345	59.250.773.701
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.038.848.109	9.725.644.246
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.1	12.157.559.754	3.702.583.738
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12	8.148.310.814	4.598.908.679
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	732.977.541	1.424.151.829
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.876.400.795	41.796.525.457
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.124.236.740	21.098.145.277
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	27.124.236.740	21.098.145.277
- Nguyên giá	222		73.764.146.263	66.075.522.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.639.909.523)	(44.977.377.700)
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		173.100.000	213.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(173.100.000)	(213.100.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	4.586.954.545	9.882.662.638
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.586.954.545	9.882.662.638
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.165.209.510	10.815.717.542
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.2	8.135.840.170	10.763.165.183
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		29.369.340	52.552.359
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		414.369.910.422	381.829.657.620

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		311.140.873.623	279.572.438.462
I. Nợ ngắn hạn	310		311.140.873.623	279.572.438.462
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	150.257.980.113	106.809.557.085
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		56.451.848.387	77.477.982.304
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.511.596.828	3.138.491.222
Phải trả người lao động	314		12.721.250.998	7.004.829.359
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	55.195.973.181	46.879.229.767
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	36.505.288.756	39.596.326.082
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(1.503.064.640)	(1.333.977.357)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.229.036.799	102.257.219.158
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	103.229.036.799	102.257.219.158
Vốn góp của chủ sở hữu	411		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		91.000.000.000	91.000.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	59.467.052
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.028.139.464	1.577.505.225
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.757.403.590	7.483.790.052
+ LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		259.266.481	959.078.363
+ LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.498.137.109	6.524.711.689
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.443.493.745	2.136.456.831
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.16	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		414.369.910.422	381.829.657.620

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương



Lê Hữu Châu

ngày 10 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN

CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ

THÀNH PHỐ

HỒ CHÍ MINH

QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

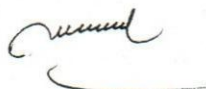
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	467.582.143.471	406.796.282.837
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		467.582.143.471	406.796.282.837
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	427.096.751.428	362.641.625.340
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.485.392.043	44.154.657.497
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.463.370.268	1.191.629.288
Chi phí tài chính	22	VI.4	1.767.004.650	673.811.787
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.767.004.650	623.811.787
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	24.470.961.886	30.326.329.526
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.710.795.775	14.346.145.472
Thu nhập khác	31	VI.6	207.773.429	152.702.912
Chi phí khác	32	VI.7	950.896.371	906.379.880
Lợi nhuận khác	40		(743.122.942)	(753.676.968)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.967.672.833	13.592.468.504
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.100.600.943	2.748.010.682
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6.183.019	6.183.019
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	60		11.860.888.871	10.838.274.803
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		11.727.846.871	10.664.279.889
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		133.042.000	173.994.914
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.289	935
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương



ngày 10 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

Lê Hữu Châu